

Số: **221** /ĐLTKV-KTTC
V/v: giải trình số liệu BCTC quý IV năm 2021

Hà Nội, ngày 07 tháng 02 năm 2022

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Tên Công ty: Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP
Tên giao dịch: Tổng Công ty Điện lực - TKV
Trụ sở chính: Số 78 tòa nhà Sannam, ngõ 78 đường Duy Tân, phường Dịch
Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội.

Điện thoại: 04 35161605 Fax: 04 35161610

Căn cứ Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc
hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Tổng Công ty Điện lực - TKV xin được giải trình những chỉ tiêu trên Báo cáo
tài chính (BCTC) thay đổi so với BCTC cùng kỳ năm trước như sau:

1. BCTC Quý IV năm 2021 - Công ty mẹ

1.1. Các chỉ tiêu trên biểu kết quả kinh doanh thay đổi so với BCTC cùng kỳ
năm trước phải giải trình nguyên nhân theo quy định tại Điều 14 - Mục 4 - Thông
tư 96/2020/TT-BTC:

TT	Chỉ tiêu	Quý IV Năm 2021	Quý IV Năm 2020	So sánh	
				Số tiền	%
1	2	3	4	5 = 3 - 4	6 = [5/4]
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.268.758.299.892	2.956.789.623.980	311.968.675.912	10,6%
2	Giá vốn hàng bán	3.086.931.070.202	2.503.368.043.559	583.563.026.643	23,3%
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	181.827.229.690	453.421.580.421	-271.594.350.731	-59,9%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	282.812.096.562	222.910.822.183	59.901.274.379	26,9%
5	Chi phí tài chính	283.454.216.450	488.683.277.966	-205.229.061.516	-42,0%
6	Thu nhập khác	61.682.790.456	183.071.656	61.499.718.800	33593,3%
7	Lợi nhuận trước thuế	154.510.301.408	111.467.252.689	43.043.048.719	38,6%
8	Chi phí thuế TNDN hiện hành	-29.680.358.226	121.626.306.509	-151.306.664.735	-124,4%
9	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	315.008.195.744	-205.014.195.161	520.022.390.905	-253,65%
10	Lợi nhuận sau thuế TNDN	-130.817.536.110	194.855.141.341	-325.672.677.451	-167,14%

1.2 Nguyên nhân:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng so với cùng kỳ chủ yếu là do quý IV/2021 được thanh toán CLTG năm 2018 trong giá bán điện.

- Giá vốn hàng bán tăng so với cùng kỳ chủ yếu là do năm 2021 Công ty mẹ thực hiện trích khấu hao nhanh hệ số 2 lần và chi phí nhiên liệu tăng so với cùng kỳ dẫn đến LN gộp giảm tương ứng.

- Doanh thu hoạt động tài chính tăng so với cùng kỳ chủ yếu là do quý IV/2021 lãi CLTG đánh giá số dư phải trả ngoại tệ cuối kỳ và TCT nhận được cổ tức tăng hơn so với cùng kỳ.

- Chi phí tài chính quý IV năm 2021 giảm so với cùng kỳ chủ yếu là do trong quý IV năm 2021 Công ty mẹ không phải trích lập chi phí dự phòng tại Công ty con (Công ty CPNĐ Cẩm Phả) do đã sáp nhập vào Công ty mẹ trong khi quý IV năm 2020 phải trích lập dự phòng.

- Thu nhập khác tăng so với cùng kỳ do TCT hạch toán theo kết quả KTNN.

- Do các nguyên nhân trên dẫn đến lợi nhuận trước thuế tăng tương ứng.

- Chi phí thuế TNDN hiện hành giảm và chi phí thuế TNDN hoãn lại tăng so với cùng kỳ chủ yếu là do Công ty mẹ hạch toán sáp nhập với công ty con dẫn đến LN sau thuế giảm tương ứng.

II. BCTC quý IV năm 2021 - Hợp nhất

2.1. Các chỉ tiêu trên biểu kết quả kinh doanh thay đổi so với BCTC cùng kỳ năm trước phải giải trình nguyên nhân theo quy định tại Điều 14 - Mục 4 - Thông tư 96/2020/TT-BTC:

TT	Chỉ tiêu	Quý IV Năm 2021	Quý IV Năm 2020	So sánh	
				Số tiền	%
1	2	3	4	5 = 3 - 4	6 = [5/4]
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.786.374.288.036	3.337.682.733.544	448.691.554.492	13,4%
2	Giá vốn hàng bán	3.386.961.910.158	2.781.817.217.253	605.144.692.905	21,7%
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	399.412.377.878	555.865.516.291	-156.453.138.413	-28,2%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	246.687.396.860	215.798.387.422	30.889.009.438	14,3%
5	Chi phí tài chính	421.485.915.175	561.057.210.956	-139.571.295.781	-24,9%
6	Thu nhập khác	71.893.578.988	586.465.550	71.307.113.438	12158,8%
7	Lợi nhuận trước thuế	186.955.895.285	105.002.097.812	81.953.797.473	78,1%
8	Chi phí thuế TNDN hiện hành	-27.241.844.064	126.024.767.842	-153.266.611.906	-121,6%
9	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-14.479.572.384	-112.940.886.775	98.461.314.391	-87,2%
10	Lợi nhuận sau thuế TNDN	228.677.311.733	91.918.216.745	136.759.094.988	148,8%

342970
TỔNG
ÔNG T
IÊN L
TKV
GIẤY-T.F

2.2. Nguyên nhân:

Các chỉ tiêu trên BCTC hợp nhất Quý IV năm 2021 thay đổi so với cùng kỳ nguyên nhân chủ yếu được giải trình tại Mục 1 nêu trên.

Trên đây là giải trình về những thay đổi trên BCTC Quý IV năm 2021 so với BCTC Quý IV năm 2020 của Tổng Công ty Điện lực - TKV.

Tổng Công ty trân trọng báo cáo.!

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- HĐQT, TBKS TCTy (b/c);
- Các Phó TGĐ;
- Các ban: KH, PCTT;
- VP (đăng Website TCT);
- Lưu VT, KTTC, N(12).



Ngô Tri Thịnh

